

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty CP Tập đoàn TDI
Năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Tập đoàn TDI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0307717044
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: D04-L01, khu A khu đô thị mới Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, tp. Hà Nội.
- Số điện thoại: 0462970970
- Website: <https://tdigroup.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): TDI

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

Ngày 03/03/2019: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thành Đoàn chính thức được thành lập (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4102069892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp) với 03 thành viên góp vốn và với số vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

Ngày 29/06/2012, Hội đồng thành viên Công ty đã thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản pháp luật có liên quan. Sau đó, được sự chấp thuận của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02/07/2012, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Lắp đặt Thành Đoàn chính thức được chuyển đổi thành



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp đặt Thành Đoàn (Giấy phép kinh doanh số 0307717044 thay đổi lần thứ 5 ngày 02/07/2012).

Hiện tại Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307717044 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 24/11/2021. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thiết kế và thi công các công trình dân dụng và công nghiệp. Đây là lĩnh vực cần nguồn năng lực tài chính lớn, năng lực thi công cao cũng như bề dày về kinh nghiệm quản lý.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

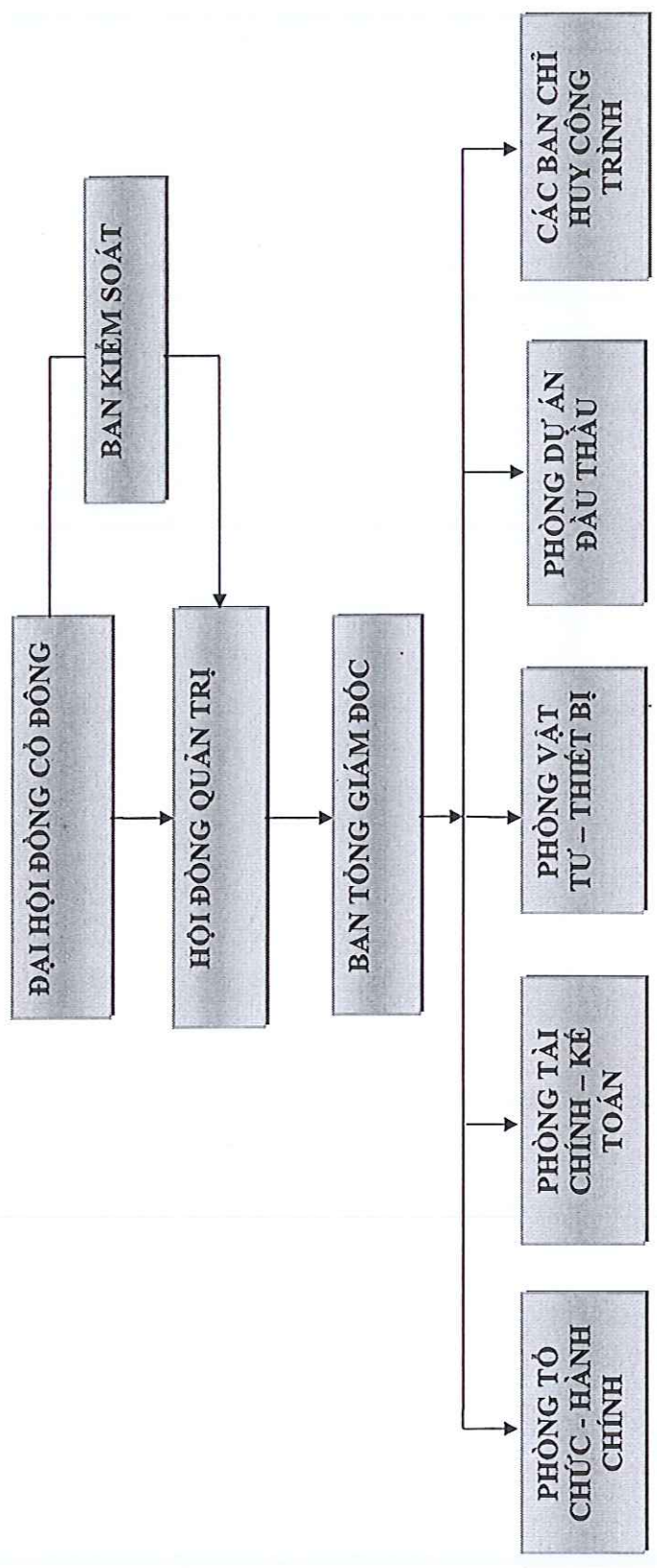
- **Xây dựng công trình công nghiệp:** Xây dựng các nhà máy, xưởng sản xuất khu công nghiệp.
- **Lắp đặt hệ thống điện:** (Bao gồm cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa)
 - + Dây dẫn và thiết bị điện,
 - + Đường dây thông tin liên lạc,
 - + Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,
 - + Đĩa vệ tinh,
 - + Hệ thống chiếu sáng,
 - + Chuông báo cháy,
 - + Hệ thống báo động chống trộm,
 - + Loại trừ: Xây dựng đường truyền năng lượng và viễn thông
- **Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước** (Bao gồm cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa)
 - + Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh,
 - + Đường ống dẫn hơi nước,
 - + Hệ thống phun nước chữa cháy,
 - + Hệ thống phun nước tưới cây,
 - + Lắp đặt hệ thống ống dẫn cấp, thoát nước.
- **Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí:**
 - + Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà nhiệt độ;
 - + Thiết bị lắp đặt ga;
 - + Lắp đặt hệ thống ống dẫn điều hoà không khí thông gió
- **Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy**
- **Hoàn thiện công trình xây dựng.**

- + Các hoạt động khác nhau có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình,
- + Lát sàn gỗ, lát thảm, vải sơn lót sàn nhà hoặc che phủ bằng giấy tường..
- + Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình xây dựng dân dụng và các công trình khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng,
- + Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác,
- + Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được,
- + Sắp đặt, lợp ngói, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Công ty CP Tập đoàn TDI được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Các phòng ban chức năng

4. Định hướng phát triển

- Phát huy tối đa lợi thế, năng lực sở trường ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực tạo ra năng lực cạnh tranh lớn trên thị trường trong nước và ngoài nước.
- Tăng cường công tác Marketing, đấu thầu tìm việc làm ổn định cho người lao động, thúc đẩy các đối tác sẵn có, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời,
- Tiếp tục có chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực.
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai công tác đổi mới tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty, trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị công ty.
- Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty CP Tập đoàn TDI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp

5.2. Rủi ro đặc thù

Hoạt động của Công ty liên quan đến lĩnh vực xây dựng, thiết kế và thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

5.2.1. Rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Trước khi tiếp nhận dự án, doanh nghiệp xây dựng phải làm rõ dự án đó thuộc dự án đấu thầu công khai hay được mời đấu thầu để xác minh tính chân thực, tính hợp pháp của dự án. Khi tham gia dự án đấu thầu công khai, doanh nghiệp dự thầu cần phải thông qua các kênh chính thức như chính quyền địa phương và thông qua Hiệp hội ngành để có được thông tin chuẩn xác nhất về việc đấu thầu; đối với những doanh nghiệp được mời thầu, cần phải hiểu rõ, xem xét nội dung dự án được cơ quan chính quyền phê duyệt, giấy phép xây dựng quy hoạch đất đai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng dự án, tài liệu thiết kế... Doanh nghiệp cũng cần xác minh năng lực thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư. Nếu chủ đầu tư có biểu hiện không minh bạch trong hoạt động xây dựng, không thanh toán đầy đủ các khoản chi phí, lợi dụng dự án để được cho vay và đạt mục đích lợi ích tài chính khác... thì chắc chắn sẽ tiềm ẩn khá nhiều rủi ro, doanh nghiệp thi công cũng biết cách tổng hợp tất cả các yếu tố, thận trọng xem xét nên hay không nên tham gia đầu tư với những đối tác như vậy. Trước khi ký hợp đồng, các bên phải tăng cường xem xét các điều khoản, để có thể kiểm soát được rủi ro ngay từ đầu. Những nội dung quan trọng cần xem xét bao gồm: Ký hợp đồng với đối tác có đủ năng lực chuyên môn, các điều khoản trong hợp đồng có đầy đủ và đúng quy định hay không. Nếu phát sinh tranh chấp, phải lấy hợp đồng làm cơ sở để giải quyết.

5.2.2. Rủi ro trong công tác quản lý dự án

Người quản lý dự án chịu trách nhiệm chính về kết quả của dự án; có vai trò chủ chốt trong việc xác định các mục đích và mục tiêu, xây dựng các kế hoạch dự án, đảm bảo dự án được thực hiện có hiệu lực và hiệu quả.

Công ty luôn cẩn thận lựa chọn những người quản lý dự án giỏi cùng đội ngũ trợ lý đặc lực; phải đảm bảo trách nhiệm và tăng cường kiểm soát quy trình dự án. Đối với các hạng mục kế hoạch trong quá trình thực hiện dự án (bao gồm tiến độ, chi phí, chất lượng, an toàn) đều phải kịp thời nắm bắt và theo sát, tuân thủ an toàn và chất lượng để tránh xảy ra các sự cố, đặc biệt tránh trường hợp giữa người quản lý và các bộ phận trong dự án có những cam kết ngầm với nhau và mang đến rủi ro chung cho toàn công trình.

5.2.3. Rủi ro về nhân công, nhân lực

Hiện tại, lượng nhân công trong ngành xây dựng đạt 3,2 triệu lao động, là ngành có

lượng lao động cao thứ 4 cả nước. Theo Hiệp hội Nhà thầu Việt Nam (VACC), khoảng 80% công nhân xây dựng hiện nay làm việc có tính thời vụ, chưa được đào tạo bài bản, thiếu chuyên môn và chưa đáp ứng được những yêu cầu về tính chuyên nghiệp trên công trường. So với các nước trong khu vực, năng suất lao động Việt Nam chỉ bằng một nửa mức trung bình của các nước Đông Nam Á. So sánh với các ngành khác, năng suất lao động của ngành Xây dựng chỉ đứng thứ 16, vì vậy thu nhập của nhân công trong ngành cũng ở mức thấp hơn so với nhiều ngành kinh tế khác và so với các nước trong khu vực.

Khắc phục rủi ro về nhân lực, Công ty quan tâm xây dựng và gìn giữ một môi trường văn hóa tích cực và năng động, tạo giá trị tinh thần to lớn để mỗi một nhân viên luôn cảm thấy tự hào về Công ty. Bên cạnh đó Công ty luôn chú trọng, quan tâm đến điều kiện làm việc, phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý các cấp; đặc biệt các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao của Công ty là rất thấp.

5.2.4. Rủi ro về nguyên vật liệu

Những biến động về giá cả nguyên vật liệu (sắt, thép, xi măng...) và giá nhiên liệu (điện, xăng, dầu v.v...) có thể gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động xây dựng của Công ty vì các chi phí này chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành các công trình xây dựng.

5.2.5. Rủi ro về cạnh tranh

Ngành xây dựng và trang trí nội thất là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Cùng với xu hướng mở cửa nên đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh.

5.3. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn TDI sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo cung và cầu thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

5.4. Rủi ro về dịch bệnh

Do tình hình phức tạp của Dịch Covid 19 kéo dài trong năm 2021, Công ty CP Tập đoàn TDI luôn ý thức tuân thủ chặt chẽ các quy định của nhà nước liên quan đến phòng chống dịch Covid 19. Cụ thể: Công ty thường xuyên kiểm tra tình hình sức khỏe, khai báo kịp thời

lịch trình di chuyển của toàn bộ cán bộ nhân viên đang làm việc, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn không gian làm việc, thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng hộ y tế phòng chống dịch cho toàn bộ nhân viên.

5.5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh chính, Công ty cũng bị ảnh hưởng nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng tài sản	128.657	216.780	68,49
Tài sản ngắn hạn	115.611	206.616	78,72
Tài sản dài hạn	13.046	10.165	(22,08)
Tổng nguồn vốn	128.657	216.780	68,49
Nợ phải trả	93.691	181.257	93,46
+ Nợ ngắn hạn	91.980	180.013	95,71
+ Nợ dài hạn	1.711	1.244	(27,29)
Vốn chủ sở hữu	34.966	35.523	1,59
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.259	202.051	(1,56)
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.259	202.051	(1,56)
Giá vốn hàng bán	187.805	185.274	(1,35)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.455	16.776	(3,89)
Doanh thu hoạt động tài chính	55	40	(27,27)
Chi phí tài chính	4.011	4.397	9,62
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	4.011	4.397	9,62
Chi phí bán hàng	-	-	

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.307	11.506	1,76
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.190	913	(58,31)
Thu nhập khác	39	350	797,44
Chi phí khác	1.823	647	(64,51)
Lợi nhuận khác	(1.784)	-298	(83,30)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	406	615	51,48
Chi phí thuế TNDN hiện hành	146	136	(6,85)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	259	479	84,94
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)/năm	16,55		
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Năm 2021, Tổng tài sản của Công ty đạt 216.780 triệu đồng tăng mạnh so với năm 2020. Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng nhẹ từ 34.966 triệu đồng trong năm 2020 lên 35.523 triệu đồng trong năm 2021 (tăng 1,59%).

Trong năm 2021, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm so với trong năm 2020 từ 205.259 triệu đồng xuống 202.051 triệu đồng (giảm 1,56% so với năm 2020).

Năm 2021, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 202.051 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 479 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Danh sách Ban Tổng Giám Đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Tôn	Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
2	Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Vũ Duy Quyền	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Chu Thị Hằng Nhung	Phó Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

➤ Ông Nguyễn Thế Tôn – Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Thế Tôn

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 03/02/1985

4. Nơi sinh: Tập thể XD34, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tập thể XD34, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân số: 012266891 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 26/03/2012

8. Điện thoại liên hệ: 0988 303 052

9. Trình độ chuyên môn: Cao đẳng - Kỹ sư xây dựng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – 2009	Công ty Xây dựng Sông Đà 4	Kỹ sư
2009 – nay	Công ty CP Tập đoàn TDI	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phiếu, tương ứng 66,67% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):

Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

➤ Ông Phạm Minh Tiến – Phó Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên: Phạm Minh Tiến

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 15/06/1989

4. Nơi sinh: xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

7. Chứng minh thư nhân dân số: 030089000918

Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 29/01/2016

8. Điện thoại liên hệ: 0976 65 5429

9. Trình độ chuyên môn: Đại học - Kỹ sư điện

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012- 2012	Công Ty TNHH Ogino Việt Nam	Nhân viên kỹ thuật
2012- 2012	Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	Nhân viên kỹ thuật
2013 - 2014	Công ty cổ phần G.E.C	Phó phòng Tự động hóa
2014 - nay	Công ty CP Tập đoàn TDI	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, tương ứng 1,67% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):
Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

➤ Ông Phạm Văn Đức - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Phạm Đức Văn

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 20/04/1974

4. Nơi sinh: Tứ Kỳ, Hải Dương.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 3, Ngõ 3, Ngô Gia Khảm, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân số: 141669122 Nơi cấp: Hải Dương Ngày cấp: 18/09/2007

8. Điện thoại liên hệ: 0905 423 957

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 - 2001	Công ty Xây dựng Sông Đà 4	Kỹ sư vận hành máy
2002 - 2006	Công ty Xây dựng Sông Đà 6	Kỹ sư vận hành máy
2006 - 2015	Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Kỹ sư vận hành máy
2016 - nay	Công ty CP Tập đoàn TDI	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, tương ứng 1,67% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):
Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

➤ Ông Vũ Duy Quyền - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Vũ Duy Quyền
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 03/07/1989
4. Nơi sinh: Hoàng Tây, Kim Bảng, Hà Nam.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Hoàng Tây, Kim Bảng, Hà Nam
7. Chứng minh thư nhân dân số: 035089001375 cấp ngày 18/012017
8. Điện thoại liên hệ: 0984 813 076
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - nay	Công ty CP Tập đoàn TDI	Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, tương ứng 1,67% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):
Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

➤ Bà Chu Thị Hằng Nhung - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Chu Thị Hằng Nhung

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 14/06/1994

4. Nơi sinh: Xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

7. Chứng minh thư nhân dân số 026194001766 cấp ngày 06/09/2017

8. Điện thoại liên hệ: 0962 444 294

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - nay	Công ty CP Tập đoàn TDI	Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 17.000 cổ phiếu, tương ứng 0,57% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):
Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

2.1.2. Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch:

1. Họ và tên: Ngô Thị Hà
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 04/05/1991
4. Nơi sinh: xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 163162152 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 10/01/2009
8. Điện thoại liên hệ: 0966 166 591
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - 2016	Công ty cổ phần tích hợp dịch vụ số	Kế toán
2016 - nay	Công ty CP Tập đoàn TDI	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
- Sở hữu cá nhân: 22.000 cổ phiếu, tương ứng 0,73% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm

giữ): 0

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):

Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của

ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số người lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2021 là: 89 người

Bảng 1: Số lượng người lao động trong Công ty tính tới thời điểm 31/12/2021

TT	Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo tính chất hợp đồng lao động	89	100%
-	Hợp đồng có xác định thời hạn	0	0 %
-	Hợp đồng không xác định thời hạn	89	100 %
-	Hợp đồng dịch vụ	0	0 %
II	Phân theo trình độ lao động	89	100%
-	Trên đại học	1	1,12%
-	Đại học	80	89,89%
-	Trung cấp, cao đẳng	8	8,99%
-	Khác	0	0

(Nguồn: TDI Group.)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Một số công trình, dự án mà công ty đã và đang thực hiện, bao gồm:

Bảng 2 : Một số dự án tiêu biểu đã và đang thực hiện

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Mô tả	Ngày đã/dự kiến bàn giao	Giá trị hợp đồng + phụ lục hợp đồng (hoặc giá trị quyết toán) (Đồng)
----	----------------	------------	-------	--------------------------	--

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Mô tả	Ngày đã/dự kiến bàn giao	Giá trị hợp đồng + phụ lục hợp đồng (hoặc giá trị quyết toán) (Đồng)
1	Công trình Park 12	Công ty cổ phần phát triển đô thị Nam Hà Nội-Vingroup theo hợp đồng số: 1207/2016/HĐXD/NHN-TĐ ngày 12/07/2016	Hạng mục: Cung cấp, lắp đặt hệ thống điện và cấp thoát nước Tòa P12-Park Hill 2	20/08/2017	70.811.524.463
2	Công trình Interplex	Công ty TNHH công nghệ chính xác Interplex-Hà Nội theo hợp đồng ký ngày 30/07/2016	Xây dựng nhà máy sản xuất Interplex	14/05/2017	92.718.500.000
3	Công trình PVF	Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec theo hợp đồng số: 1004/2017/HĐ/CPVM-TĐ ký ngày 10/04/2017	Cung cấp lắp đặt hệ thống M&E (Không bao gồm ĐHKK và thông gió) khu nhà trung tâm 8 tầng	16/11/2018	42.111.354.601
4	Công trình Vincom Thanh Hóa	Tập đoàn Vingroup-Công ty CP theo hợp đồng số: 35/2017/HĐ/VG-TĐ ký ngày 03/05/2017	Hạng mục: Thi công hệ thống M&E (điện, nước)	07/04/2018	50.088.930.711
5	Công trình Vincom Hà Nam	Tập đoàn Vingroup-Công ty CP theo hợp đồng số: 57/2017/HĐ/VG-TĐ ký ngày 05/07/2017	Hạng mục: Thi công hệ thống M&E (điện, nước)	31/07/2018	33.060.282.583
6	Khách sạn Nam Định	Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội theo hợp đồng số: 58/2018/HĐTCXD/NC-TĐ ký ngày 07/04/2018	Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống cơ điện ngoài nhà và cảnh quan dự án Khách sạn Nam Định, Khu ĐTM Hòa Vượng, TP. Nam Định	30/05/2019	9.650.000.000
7	Trung tâm hành chính mới Thanh	Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Delta theo hợp đồng số: 290/2018/HĐTCXL/DELTA-	Thi công xây lắp hạng mục cơ điện	31/07/2019	53.541.181.206

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Mô tả	Ngày đã/dự kiến bàn giao	Giá trị hợp đồng + phụ lục hợp đồng (hoặc giá trị quyết toán) (Đồng)
	Hóa	THÀNH ĐOÀN ký ngày 23/11/2018			
8	Khách sạn EUPHORIA (Hilton Garden Inn Da Nang)	Công ty CP đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Hải An theo hợp đồng số: 01.10.2018/01/HĐTCXD/HA-TĐ ký ngày 10/10/2018	Thi công và lắp đặt hoàn thiện hệ thống Cơ- Điện-Lạnh (M&E)	30/06/2019	51.164.062.197
9	Vincom Dĩ An	Công ty Cổ phần Vincom Retail theo hợp đồng số: 1503/2019/HĐ/VCR-TĐ ký ngày 15/03/2019	Thi công toàn bộ hệ thống M&E (Điện, điện nhẹ, CTN, ĐHKK, PCCC..)	16/09/2019	18.814.588.277
10	Tòa P3- Vincy Gia Lâm	Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm theo hợp đồng số: 2503/2019/HĐ/ĐTGL-TĐ ký ngày 25/03/2019	Thi công hệ thống M&E tòa P3 (Điện, nước, ĐHKK, PCCC) thuộc dự án Vincy Ocean Park	16/12/2019	51.903.112.956
11	Tòa L2- Vinhomes Quận 9	Công ty cổ phần phát triển Thành Phố Xanh theo hợp đồng số: 2506/2019/HĐ/MEP/L2/TPX-TĐ ký ngày 25/06/2019	Thi công hệ thống M&E tòa L2	16/06/2020	55.175.835.736
12	Hầm PK3	Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị gia lâm theo hợp đồng số: 0201/2020/HĐ/CT1/ĐTGL-TĐ ký ngày 02/01/2020	Thi công hệ thống M&E	05/2020	14.895.948.027
13	Vincom Mỹ Tho-TTTM	Công ty cổ phần Vincom Retail theo hợp đồng số: 2112/2019/HĐ/VCR-TĐ ký ngày 21/12/2019	Thi công hệ thống M&E	02/10/2020	20.213.829.985
14	Mê Linh Plaza Thanh Hóa	Công ty cổ phần xây dựng và quản lý dự án số 1 theo hợp đồng số: 88/2020/HĐKT/PCM1-TĐ ký ngày 16/03/2020	Thi công hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước	08/2020	23.200.000.000

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Mô tả	Ngày đã/dự kiến bàn giao	Giá trị hợp đồng + phụ lục hợp đồng (hoặc giá trị quyết toán) (Đồng)
15	Mê Linh Plaza Thanh Hóa	Công ty cổ phần xây dựng và quản lý dự án số 1 theo hợp đồng số: 100/2020/HĐKT/PCM1-TĐ ký ngày 17/03/2020	Thi công hệ thống PCCC, thông gió, tầng áp	07/2020	16.669.000.000
16	Tòa S6.01-Vinhomes Grand Park quận 9	Công ty cổ phần Vinhomes theo hợp đồng số: 2011/2020/HĐ/MEP/S6.01/V H.TĐ	Cung cấp lắp đặt hệ thống M&E	10/2021	52.440.678.967
17	Tòa N04-Berriver Long Biên	Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội theo hợp đồng số 2604/2021/HANCO3-TĐ/MEP/N04	Cung cấp và thi công hệ thống cơ điện	10/2021	20.068.824.764
18	Tòa N05-Berriver Long Biên	Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội theo hợp đồng số 2604/2021/HANCO3-TĐ/MEP/N05	Cung cấp và thi công hệ thống cơ điện	10/2021	10.788.632.621
19	Tòa N02-Berriver Long Biên	Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội theo hợp đồng số 2604/2021/HANCO3-TĐ/MEP/N05	Cung cấp và thi công hệ thống cơ điện	09/2021	22.688.936.669
	Yên Bái	Công ty cổ phần xây dựng và quản lý dự án số 1 theo hợp đồng số: 70/2021/HĐXD/PCM1-TĐ ký ngày 25/03/2021	Thi công hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, PCCC hạ tầng kỹ thuật	25/03/2021	27.772.346.280
Tổng cộng					710.005.223.763

(Nguồn: TDI Group.)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020 (Tỷ)	Năm 2021 (Tỷ)	% tăng giảm/%
----------	---------------	---------------	---------------

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	128,66	216,78	68,49
Doanh thu thuần	205,26	202,051	(1,56)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,19	0,913	(58,31)
Lợi nhuận khác	(1,78)	(0,298)	(83,30)
Lợi nhuận trước thuế	0,40	0,615	51,48
Lợi nhuận sau thuế	0,26	0,479	84,94
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,23	1,14	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,65	0,52	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,83	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,40	5,1	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,42	1,64	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,59	0,93	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,001	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,007	0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,002	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,004	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập Đoàn TDI
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
4. Giá niêm yết dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 3.000.000 cổ phiếu
6. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành: 100%

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước	3.000.000	100,00%	107
-	Tổ chức	0	0%	0
-	Cá nhân	3.000.000	100,00%	107
II	Cổ đông nước ngoài	0	0%	0
-	Tổ chức	0	0%	0
-	Cá nhân	0	0%	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0
	Tổng cộng	3.000.000	100,00%	107

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty Công ty Cổ phần Tập Đoàn TDI được thành lập ngày 03/03/2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu

hạn có hai thành viên trở lên số 4102069892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/03/2009 với 03 thành viên góp vốn ban đầu theo danh sách sau:

STT	Tên thành viên	ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Giá trị vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Nguyễn Thế Tôn	012266891 do CA Hà Nội cấp ngày 26/03/2012	Tổ 39A, Thượng Đình, Thành phố Hà Nội	7.500	50
2	Nguyễn Văn Chí	141845913 do CA Hải Dương cấp ngày 09/04/2010	Đức Xương, Tú Lộc, Hải Hưng	4.500	30
3	Trần Thị Mỹ Hạnh	022873828 do CA Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/06/1997	127/11/1 Lê Lai, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	3.000	20
	Tổng cộng			15.000	100

Ngày 02/07/2012, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307717044 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/07/2012. Kể từ khi chuyển thành công ty cổ phần, đến tháng 09/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thành Đoàn thực hiện tăng vốn từ 20 tỷ lên 30 tỷ, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng vốn: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
- Số cổ phần đang lưu hành: 200.000 cổ phần
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng vốn: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu tăng vốn: Không có
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng mua cổ phần phát hành thêm bao gồm: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ tương ứng tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện tại trong Công ty, phù hợp Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1100/2017/QĐ-CT ngày 11/09/2017 về việc phát hành cổ phần tăng Vốn điều lệ Công ty;
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1109/2017/QĐ-CT ngày 11/09/2017 về việc Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - + Giấy chứng nhận ĐKDN số 0307717044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/03/2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 12 ngày 14/09/2017.

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
 Mệnh giá cổ phần phát hành : 100.000 đồng/cổ phần
 Số lượng cổ phần phát hành : 100.000 cổ phần
 Tổng giá trị phát hành : 10.000.000.000 đồng
 Số lượng cổ đông tham gia : 03 cổ đông
 Giá phát hành : 100.000 đồng/cổ phần
 Tỷ lệ phát hành : Tỷ lệ 2:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới phát hành thêm)

Ngày hoàn thành đợt chào : 22/12/2019

bán

Danh sách cổ đông sau khi phát hành:

STT	Họ và Tên	Số CMND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần được quyền mua phát hành thêm	Tổng số cổ phần sở hữu sau phát hành	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thế Tôn	012266891 do CA Hà Nội cấp ngày 26/03/2012	180.000	9000	270.000	27.000	90
2	Phạm Minh Tiến	030089000918 do Cục CS ĐKKQLCT và DLQG về DC cấp ngày 29/01/2016	10.000	5.000	15.000	1.500	5
3	Phạm Đức Văn	141669122 do CA Hải Dương cấp ngày	10.000	5.000	15.000	1.500	5

		18/09/2007					
	TỔNG CỘNG		200.000	100.000	300.000	30.000	100

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Các nguyên vật liệu chính được Công ty sử dụng là dây cáp điện, bảo ôn, ống đồng, ống sino và thiết bị vật tư nước. Công ty luôn chọn những đơn vị cung cấp uy tín, chất lượng trên thị trường. Nguyên vật liệu được Công ty mua và chuyển thẳng đến công trường thi công.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Một trong những quan tâm hàng đầu Công ty Cổ phần Tập Đoàn TDI trong chính sách phát triển bền vững chính là tiết kiệm năng lượng. Mỗi quan tâm được lãnh đạo công ty xây dựng thành mục tiêu môi trường và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua và đã mang lại nhiều hiệu quả.

Theo đó, TDI đã tiến hành thực hiện các hoạt động:

- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ công nhân công nhân viên.
- Đánh giá lại hiện trạng và lập các kế hoạch thực hiện nhằm giảm suất tiêu hao điện năng.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp để tiết kiệm điện.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Từ nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước địa phương.

Bên cạnh đó, với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, TDI sớm triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày và đã đạt được các hiệu quả nhất định.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Nguồn nước được công ty sử dụng chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Vì là nước sinh hoạt nên không có tái chế.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Công ty rất quan tâm đến các hoạt động tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường.

Năm 2021, Công ty không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Mức tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, hỗ trợ sẽ theo kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty và mức độ đóng góp của người lao động theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, làm công việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc đó, chức vụ đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

Khi kết quả sản xuất kinh doanh tăng lên thì tiền lương, thưởng, phụ cấp của người lao động tăng theo hiệu quả thực tế phù hợp với Quỹ tiền lương thực hiện được ban lãnh đạo phê duyệt.

Khi có những công việc hoặc chức danh đòi hỏi cán bộ, công nhân viên phải đi học để đáp ứng điều kiện làm công việc hoặc chức danh đó, thì học phí đó sẽ do Công ty sẽ chi trả.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động tại Công ty căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước và Công ty quy định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Xác định rõ những yêu cầu về trình độ của người lao động đối với tất cả các công việc, tạo thuận lợi cho việc tuyển chọn cũng như đào tạo lại, tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và năng lực hàng năm cho công nhân viên cũng như tổ chức đào tạo lớp kế cận cho đội ngũ lãnh đạo của Công ty.

+ Đào tạo về cán bộ quản lý cấp trung với nội dung chủ yếu là các kỹ năng hoạch định; tổ chức, quản lý, kiểm soát công việc hiệu quả, công tác chỉ huy triển khai và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch... kỹ năng quản lý con người trong thi công công trình.

+ Đào tạo cán bộ kỹ thuật: Kỹ năng quản lý chất lượng trong thi công công trình, quản lý kỹ thuật tốt, nâng cao khả năng nghiên cứu phát triển kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, nâng cao ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp làm việc với khách hàng nước ngoài.... chú trọng đội ngũ nghiên cứu thiết kế.

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thị trường: Kỹ năng đánh giá khách hàng, kỹ năng phát triển thị trường, công tác marketing....

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn xác định hỗ trợ phát triển cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội là một trong những mục tiêu phát triển bền vững, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng lan tỏa đến từng cán bộ, người lao động trong Công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Chưa triển khai

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2020 – 2021

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng tài sản	128.657	216.780	68,49
Tài sản ngắn hạn	115.611	206.616	78,72
Tài sản dài hạn	13.046	10.165	(22,08)
Tổng nguồn vốn	128.657	216.780	68,49
Nợ phải trả	93.691	181.257	93,46
+ Nợ ngắn hạn	91.980	180.013	95,71
+ Nợ dài hạn	1.711	1.244	(27,29)
Vốn chủ sở hữu	34.966	35.523	1,59
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.259	202.051	(1,56)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.259	202.051	(1,56)
Giá vốn hàng bán	187.805	185.274	(1,35)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.455	16.776	(3,89)
Doanh thu hoạt động tài chính	55	40	(27,27)
Chi phí tài chính	4.011	4.397	9,62
<i>+Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>4.011</i>	<i>4.397</i>	<i>9,62</i>
Chi phí bán hàng	-	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.307	11.506	1,76
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.190	913	(58,31)
Thu nhập khác	39	350	797,44
Chi phí khác	1.823	647	(64,51)
Lợi nhuận khác	(1.784)	-298	(83,30)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	406	615	51,48
Chi phí thuế TNDN hiện hành	146	136	(6,85)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	259	479	84,94
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)/năm	16,55		
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020,2021 của Công ty)

Năm 2021, Tổng tài sản của Công ty đạt 216.780 triệu đồng tăng mạnh so với năm 2020. Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng nhẹ từ 34.966 triệu đồng trong năm 2020 lên 35.522 triệu đồng trong năm 2021 (tăng 0,15%).

Trong năm 2021, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm so với trong năm 2020 từ 205.259 triệu đồng xuống 202.051 triệu đồng (giảm 1.56% so với năm 2020).

Công tác quản lý, điều hành

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ, tăng cường kiểm soát nội bộ để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công tác tư vấn; sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành theo hướng chuyên môn hóa, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.

3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng tiêu hao, đồng thời thường xuyên truyền thông để thực hiện tiết kiệm nước sạch tại văn phòng và công trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng qui định của pháp luật:

- Trích nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định, không nợ Bảo hiểm xã hội.

- Trả lương đúng thời hạn và đảm bảo không thấp hơn mức tối thiểu vùng quy định.

- Duy trì sinh hoạt nội bộ hàng tháng.

- Trợ cấp, thăm hỏi kịp thời CBNV ốm đau và có hoàn cảnh khó khăn. Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường tại các công trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ của công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã giám sát Ban tổng giám đốc thông qua các hoạt động sau:

- Thông qua các cuộc họp của HĐQT, qua thông tin liên lạc như thư điện tử, báo cáo bằng văn bản các công việc được giao và gặp gỡ trực tiếp

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS để đóng góp ý kiến cho Ban giám đốc nhằm không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

- HĐQT đã thảo luận và thông qua vấn đề thực hiện SXKD và phương án triển khai các quý tiếp theo để Ban giám đốc có cơ sở thực hiện.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

+ Tiếp tục chỉ đạo việc sắp xếp lại nhân sự, lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Cơ cấu lại thành viên HĐQT.

+ Nghiên cứu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh qua các địa bàn và bổ sung một số ngành nghề mới đảm bảo cho sự ổn định phát triển Doanh nghiệp.

+ Thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời cũng chỉ đạo Giám đốc chấn chỉnh thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

+ Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD mà Đại hội cổ đông đã thông qua.

+ Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

+ Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của luật chứng khoán áp dụng cho công ty đại chúng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Tôn	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Minh Tiến	Thành viên HĐQT
3	Phạm Đức Văn	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Đức Việt	Thành viên HĐQT

(Nguồn: TDI Group.)

➤ Ông Phạm Minh Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, tương ứng 1,67% vốn điều lệ của Công ty

3. Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 4. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có
 5. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
 6. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Ông Nguyễn Thế Tôn – Chủ tịch Hội đồng quản trị
1. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 2. Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phiếu, tương ứng 66,67% vốn điều lệ của Công ty
 3. Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 4. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có
 5. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
 6. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Ông Phạm Đức Văn - Thành viên Hội đồng quản trị
1. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 2. Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, tương ứng 1,67% vốn điều lệ của Công ty
 3. Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 4. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có
 5. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.
 6. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Ông Nguyễn Đức Việt - Thành viên Hội đồng quản trị
1. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 2. Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu, tương ứng 0,33% vốn điều lệ của Công ty
 3. Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 4. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):

Không có

5. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của HĐQT hàng năm.

6. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua BGD và các phòng, ban khác.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm 05 (năm); thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lê Văn Thiệu	Kiểm soát viên
3	Đỗ Thị Duyên	Kiểm soát viên

(Nguồn: TDI Group.)

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

➤ Bà Bùi Thị Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: Bùi Thị Thủy

2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 23/11/1988
4. Nơi sinh: Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: TDP Quang Minh, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân số: 037188006051 cấp ngày 10/04/2021
8. Điện thoại liên hệ: +84969 110 889
9. Trình độ chuyên môn: Cao đẳng - Kỹ thuật Cấp thoát nước
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2011 - 2015	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng ICT	Nhân viên thiết kế
Từ 2016 - 2018	Công ty cổ phần xây dựng Nam Thành Đô	Nhân viên dự án
2019 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)	Cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ/Chức vụ

		Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty	
1	Nguyễn Duy Tài	001087002102	25/04/2021	Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	0	0%	Chồng
2	Bùi Văn Vinh	037058002402	11/11/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0%	Bố đẻ
3	Nguyễn Thị Sinh	161275860	26/2/2009	Công an Ninh Bình	0	0%	Mẹ đẻ
4	Nguyễn Thị Bảo Châu	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con
5	Nguyễn Đức Trường	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):
Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của
ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

➤ Bà Đỗ Thị Duyên – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Đỗ Thị Duyên

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 02/08/1987

4. Nơi sinh: Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hóa

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P1005-CT7D-KDT Dương Nội – Hà Đông-
Hà Nội.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 038187008706 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 13/04/2018
8. Điện thoại liên hệ: 0946301687
9. Trình độ chuyên môn: Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009-2016	Công ty TNHH SM TECH	Nhân Viên
2016-2019	Công ty Cổ Phần HPE	Nhân Viên
2019 -> Nay	Công ty CP Tập Đoàn TDI	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty	
1	Đỗ Viết Linh	171536965	02.11.2011	Thanh Hóa	0	0%	Cha đẻ
2	Đỗ Thị Tuế	Đã mất			0	0%	Mẹ đẻ
3	Dương Ngọc	038084008562	26.06.2017	Cục	0	0%	Chồng

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty	
	Thuận			cảnh sát			
4	Dương Minh Quang	Chưa đủ tuổi cấp CMND			0	0%	Con trai

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):

Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

➤ Ông Lê Văn Thiệu - Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: Lê Văn Thiệu

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 20/7/1993

4. Nơi sinh: Thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

7. Chứng minh thư nhân dân số: 135661141 Nơi cấp: Vĩnh Phúc Ngày cấp: 04/12/2009

8. Điện thoại liên hệ: 0982 625 703

9. Trình độ chuyên môn: Đại học - Kinh tế xây dựng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - nay	Công ty Cổ phần Tập Đoàn TDI	Thành viên Ban Kiểm

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
		soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phiếu, tương ứng 1,00% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty	
1	Lê Văn Sơn	026067002240	20/05/2019	CCS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0%	Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Tơ	135920067	26/05/2014	Vĩnh Phúc	0	0%	Mẹ đẻ
3	Lê Văn Hiếu	135506015	19/07/2007	Vĩnh Phúc	0	0%	Anh trai
4	Nguyễn Thị Mai	135582312	11/06/2008	Vĩnh Phúc	0	0%	Chị dâu

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu):

Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính; giám sát về việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ Công ty. Nhiệm vụ chính là:

- Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;
- Kiểm tra bất thường: Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu;
- Can thiệp vào hoạt động công ty khi cần: Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

➤ Thù lao Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/ tháng)
1	Ông Phạm Minh Tiến	Thành viên	11,370,000
2	Ông Nguyễn Thế Tôn	Chủ tịch	11,395,000
3	Ông Phạm Đức Văn	Thành viên	8,549,625

4	Ông Nguyễn Đức Việt	Thành viên	0
---	---------------------	------------	---

➤ **Thù lao Ban Kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
1	Bà Bùi Thị Thủy	Trưởng Ban	7,808,333
2	Ông Lê Văn Thiệu	Thành viên	10.941.667
3	Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên	10.941.667

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn TDI tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

IN KÈM BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021

XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Thế Lân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TDI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		206.615.616.132	115.611.720.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.252.545.114	2.848.152.071
111	1. Tiền		752.545.114	2.548.152.071
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	300.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.676.147.984	55.919.511.758
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	83.004.223.429	42.247.275.094
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	3.701.138.499	8.937.384.194
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	74.811.056	4.748.852.470
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(104.025.000)	(14.000.000)
140	III. Hàng tồn kho	07	112.966.850.319	54.786.791.387
141	1. Hàng tồn kho		112.966.850.319	54.786.791.387
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.720.072.715	2.057.265.429
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	207.487.103	229.770.220
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.512.585.612	1.823.741.379
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	3.753.830
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.164.758.053	13.046.145.311
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		114.000.000	114.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	114.000.000	114.000.000
220	II. Tài sản cố định		9.803.758.346	12.625.416.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	7.105.533.458	9.875.451.103
222	- Nguyên giá		10.829.493.092	13.074.707.638
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.723.959.634)	(3.199.256.535)
227	2. Tài sản cố định vô hình	09	2.698.224.888	2.749.965.624
228	- Nguyên giá		2.823.265.000	2.823.265.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.040.112)	(73.299.376)
260	III. Tài sản dài hạn khác		246.999.707	306.728.584
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	246.999.707	306.728.584
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		216.780.374.185	128.657.865.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		181.257.470.544	93.691.516.618
310	I. Nợ ngắn hạn		180.013.446.381	91.980.499.386
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	37.759.663.438	26.796.356.461
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	31.540.081.046	17.031.856.325
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	102.943.908	-
314	4. Phải trả người lao động		844.989.308	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	254.423.393	160.249.184
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	19.370.937.020	69.198.156
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	90.140.408.268	47.922.839.260
330	II. Nợ dài hạn		1.244.024.163	1.711.017.232
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	1.244.024.163	1.711.017.232
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.522.903.641	34.966.349.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	35.522.903.641	34.966.349.338
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.522.903.641	4.966.349.338
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.043.896.708	4.706.852.858
421b	LNST chưa phân phối năm nay		479.006.933	259.496.480
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		216.780.374.185	128.657.865.956

Người lập biểu



Ngô Thị Hà

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hà

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	202.050.634.938	205.259.724.654
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		202.050.634.938	205.259.724.654
11	4. Giá vốn hàng bán	20	185.274.386.181	187.805.213.794
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.776.248.757	17.454.510.860
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	39.619.732	54.674.665
22	7. Chi phí tài chính	22	4.397.415.978	4.010.964.232
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.397.415.978	4.010.964.232
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	11.505.587.243	11.307.818.626
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		912.865.268	2.190.402.667
31	11. Thu nhập khác	24	349.522.737	39.314.687
32	12. Chi phí khác	25	647.163.334	1.823.797.800
40	13. Lợi nhuận khác		(297.640.597)	(1.784.483.113)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		615.224.671	405.919.554
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	136.217.738	146.423.074
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>479.006.933</u>	<u>259.496.480</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	160	86

Người lập biểu



Ngô Thị Hà

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hà

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Tôn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		615.224.671	405.919.554
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.547.649.724	6.013.032.091
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.206.654.433	2.056.742.524
03	- Các khoản dự phòng		90.025.000	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(146.445.687)	(54.674.665)
06	- Chi phí lãi vay		4.397.415.978	4.010.964.232
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.162.874.395	6.418.951.645
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(34.520.433.085)	(12.522.558.536)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(58.180.058.932)	4.359.967.733
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		45.575.239.870	9.343.974.292
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		82.011.994	(124.200.523)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.259.741.769)	(4.045.066.405)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.000.000)	(408.410.162)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(44.170.107.527)	3.022.658.044
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.082.622.727)	(1.950.139.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.882.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(4.200.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.100.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.547.358	54.674.665
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		823.924.631	(995.464.971)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		133.902.429.696	112.859.199.298
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(92.151.853.757)	(114.424.321.185)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		41.750.575.939	(1.565.121.887)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.595.606.957)	462.071.186
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.848.152.071	2.386.080.885
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>1.252.545.114</u>	<u>2.848.152.071</u>

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hà

Ngô Thị Hà



10/10/2022